XÂY DỰNG, CỦNG CỐ HỆ THỐNG THỦY LỢI MIỀN BẮC TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

TS LÊ VĂN PHONG

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nhận:
29-3-2022
Ngày thẩm định, đánh giá:
19-4-2022
Ngày duyệt đăng:
5-5-2022

Tóm tắt: Nhận thức rõ vai trò của thủy lợi đối với sản xuất và đời sống, trong giai đoạn 1954-1975, ở miền Bắc, cùng với việc đề ra các chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để khôi phục, xây dựng và phát triển thủy lợi. Nhờ đó, hệ thống thủy lợi từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, góp phần xây dựng hậu phương lớn để chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Từ khóa:
Chủ trương của Đảng; xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi; miền Bắc

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ (1954), đất nước tạm thời bị chia thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc được giải phóng đi lên xây dựng CNXH, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trước bối cảnh mới, Trung ương Đảng đã đề ra nhiều chủ trương để khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.

Thực hiện chủ trương khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thủy lợi trở thành lĩnh vực được Đảng, Nhà nước hết sức quan tâm. Ngay trong năm 1955, bên cạnh việc thiết lập cơ quan quản lý ngành cấp trung ương là Nha Thủy lợi[1], bộ độc lập quản lý thủy lợi là Bộ Thủy lợi và Kiến trúc[2], Đảng và nhà nước đã đặt thủy lợi vào đúng vị trí của một ngành kết cấu hạ tầng cơ bản của xã hội. Nhờ đó, công tác xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi miền Bắc đạt nhiều kết quả tích cực.

Do hậu quả nặng nề của chiến tranh, hệ thống thủy lợi miền Bắc gặp nhiều khó khăn. Trước yêu cầu phục vụ sản xuất, đảm bảo đời sống nhân dân, việc khôi phục, sửa chữa và xây dựng hệ thống thủy lợi cần được tiến hành gấp rút. Nhiệm vụ trung tâm về công tác thủy lợi trong kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế (1955-1957) được Trung ương Đảng và Chính phủ xác định

là: "Vì nhu cầu lương thực cấp thiết nên cần làm trước những công tác dễ làm, mau hưởng, tốn ít lợi nhiều. Vì vậy, công trình đại thủy nông chủ yếu là phục hồi toàn bộ các hệ thống nông giang đã khai thác trước ngày kháng chiến và khuyếch trương kênh máng để tăng diện tích, cải tiến cách quản lý nước, giáo dục nhân dân triệt để tiết kiệm nước, để đạt mục đích ít nước mà tưới được nhiều ruộng. Trong khi làm công tác đại thủy nông, phải luôn luôn phát triển mạnh mẽ công tác tiểu thủy nông trong toàn quốc..."[3].

Thực hiện chủ trương của Đảng, đặc biệt là sự nỗ lực của ngành thủy lợi và các địa phương, từ năm 1955 đến năm 1957, bên cạnh những công trường khôi phục thủy lợi lớn, ở miền Bắc một số công trình thủy lợi quy mô nhỏ được triển khai, nổi bật là đã "tiến hành khôi phục, mở rộng kênh tưới trạm bơm Phú Xá (Sơn Tây); đào khai thông cửa cống Liên Mạc và nạo vét kênh trục sông Nhuệ để tưới 30.000 ha; ở Hà Tĩnh xây lại cống Trung Lương tưới 5.000 ha; ở Nghệ An khởi công xây dựng hệ thống Nam Nghệ An tưới 30.000 ha; Hải Phòng khởi công hệ thống Thủy Nguyên - Phong Cốc; Hải Dương xây dựng hệ thống Nam Sách - Chí Linh, lấy nước sông Kinh Thầy vào tưới cho hai huyện Nam Sách và Chí Linh... Đến hết năm 1957, toàn miền Bắc vụ chiêm tưới được 603,7 ngàn ha và vụ mùa tưới được 685,5 ngàn ha"[4].

Đến năm 1958, miền Bắc căn bản hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế sau chiến tranh, trong đó ngành nông nghiệp và thủy lợi giành được nhiều kết quả tích cực. Sự kiện nổi bật đánh dấu sự phát triển của thủy lợi miền Bắc những năm này là việc khởi công hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải (1-10-1958).

Cuối năm 1958, trong Báo cáo "về nhiệm vụ kế hoạch ba năm (1958-1960) phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân" tại HNTƯ 14 (11-1958), Đảng chỉ rõ: "Mục tiêu phấn đấu là phải đảm bảo chống hạn, tích cực mở rộng diện tích ruộng đất được tưới nước và giải quyết phần lớn nạn úng thủy. Phương hướng chủ yếu là phải dựa vào sức dân, phát triển rộng rãi các công trình thủy lợi hạng nhỏ; giúp đỡ và phát huy năng lực của các địa phương, làm nhiều công trình thủy lợi hạng vừa. Kết hợp chặt chẽ với các công trình hạng nhỏ và hạng vừa của nông dân, của các địa phương, nhà nước làm một số công trình hạng lớn. Cần phải gây một phong trào quần chúng rộng rãi thi đua đảm bảo nước cho việc trồng trọt, tận dụng mọi nguồn nước và sử dụng nước một cách hợp lý. Cần xúc tiến việc nghiên cứu trị thủy sông Hồng và kế hoạch dài hạn về công tác thủy lợi, kết hợp chặt chẽ các công trình trong kế hoạch ba năm với phương hướng công tác thủy lợi sau này nhằm tiến tới diệt hạn, diệt lụt tận gốc, thanh toán nạn úng thủy và nạn ruộng đất bị nước mặn, khai thác các nguồn thủy điện để phục vụ công cuộc phát triển kinh tế"[5].

Nghị quyết HNTƯ 14 (khóa II) đã chỉ rõ vị trí, vai trò của công tác thủy lợi. Tiếp đó, ngày 26-12-1958, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 63-NQ/TW "về công tác thủy lợi", nhấn mạnh: công tác thủy lợi phải phục vụ yêu cầu phát triển nông nghiệp, tăng vụ và tăng năng suất. Công tác thủy lợi là biện pháp kỹ thuật quan trọng hàng đầu, làm cơ sở cho việc cải tiến kỹ thuật toàn bộ... Công tác thủy lợi là một công tác cách mạng, vừa có tính chất chính trị, quần chúng và khoa học kỹ thuật... Phương châm của công tác thủy lợi là *giữ nước là chính, công trình thủy lợi hạng nhỏ là chính, nhân dân tự làm là chính*... Phương châm ấy cần được quán triệt trong toàn bộ công tác thủy lợi[6]. Nghị quyết này được coi là kim chỉ nam cho công tác thủy lợi trong giai đoạn 1958-1960.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch ba năm (1958-1960), ngành thủy lợi và các địa phương miền Bắc bên cạnh việc đẩy mạnh xây dựng các công trình khởi công trong thời kỳ khôi phục kinh tế (1955-1957) đã xây dựng một số công trình vừa và lớn như: trạm bơm Gia Thụy, Thụy Phương; các hồ chứa nước ở Suối Hai, Đại Lải và thủy điện Bàn Thạch của hệ thống sông Chu...; hoàn thiện thiết kế kỹ thuật nhiều trạm bơm điện lớn ở Nam Vĩnh Phúc (Vĩnh Phúc), Đan Hoài, La Khê, Thường Tín (Hà Đông nay là Hà Nội), Quảng Oai (Sơn Tây, Hà Nội), Anh Sơn (Nghệ An)...

Tiếp tục khẳng định vai trò của công tác thủy lợi đối với sản xuất và đời sống, tháng 9-1960, Đại hội III của Đảng được tổ chức. Báo cáo chính trị tại Đại hội do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn trình bày về "nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)", đối với công tác thủy lợi, nhấn mạnh: "Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, cần phát triển mạnh mẽ công tác thủy lợi và cải tạo đất. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, cần xúc tiến việc xây dựng mạng lới thủy lợi kết hợp những công trình hạng nhỏ do nhân dân làm với những công trình hạng vừa và hạng lớn do nhà nước làm, hoặc do nhà nước và nhân dân cùng làm; bước đầu tiến hành công tác trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng; kết hợp với công tác thủy lợi để thực hiện từng bước việc cải tạo đất ở các vùng trũng, mặn, chua và đất bạc màu. Làm tốt công tác thủy lợi và cải tạo đất thì có lợi cho việc phát triển nông nghiệp, có thể chống hạn, úng, lụt, chua, mặn, bảo đảm tăng năng suất, tăng vụ, tăng diện tích gieo trồng, tăng mức sử dụng đất và còn có lợi cho việc phát triển giao thông vận tải, phát triển sức điện, phát triển nuôi cá"[7]. Tháng 7-1961, HNTƯ 5 "về vấn đề phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), xác định: "thủy lợi là biện pháp hàng đầu để phát triển nông nghiệp"[8].

Quán triệt chủ trương của Đảng, Bộ Thủy lợi và Điện lực[9] xây dựng "Kế hoạch thủy lợi 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)", nêu rõ: "Nhiệm vụ thủy lợi đến hết năm 1965 phải đạt là bảo đảm có đủ nước tưới cho 80% diện tích lúa, tưới chủ động cho khoảng 50% diện tích canh tác, đủ nước tưới cho vùng trồng cây công nghiệp tập trung và mở rộng hơn việc tưới nước cho hoa màu"[10]. Đây là kế hoạch cơ bản, toàn diện để thực hiện chủ trương khôi phục và phát triển thủy lợi ở miền Bắc thời kỳ mới.

Với chủ trương đúng đắn của Đảng và sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân, trong 5 năm (1961-1965), công tác xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi ở miền Bắc có bước tiến lớn. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng các địa phương "đã xây dựng tổng cộng được 83 công trình thủy lợi lớn; 2.830 công trình loại vừa, có năng lực tưới đạt 449.888 ha; tiêu úng đạt 217.608 ha"[11]. Ngoài ra, có nhiều công trình loại nhỏ do các đơn vị cấp xã và hợp tác xã nông nghiệp xây dựng, chủ động tưới tiêu cho diện tích khá lớn đối với những vùng hệ thống thủy nông chưa được xây dựng.

Trong giai đoạn 1954-1965, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để lãnh đạo xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi miền Bắc đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và bảo đảm đời sống dân sinh. Chủ trương, nghị quyết của Đảng bám sát đặc điểm tình hình miền Bắc, điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa phương, do đó công tác quy hoạch và tiến hành xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi được tiến hành từng bước vững chắc. Cùng với các hệ thống thủy lợi lớn, nhiều công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công tác bảo vệ đê điều, phòng chống lũ lụt được triển khai hiệu quả. Kết quả công tác thủy lợi ở miền Bắc giai đoạn 1954-1965 bắt nguồn từ nhiều nhân tố,

trong đó vai trò quyết định là có sự lãnh đạo của Đảng và sự đồng lòng, đoàn kết của toàn dân...

2 Qua hơn 10 năm thực hiện cách mạng XHCN và xây dựng CNXH (1954-1965), miền Bắc đã trở thành hậu phương lớn với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng vững mạnh. Đó là bước tạo đà quan trọng cho giai đoạn phát triển mới.

Đầu năm 1965, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Hệ thống thủy lợi miền Bắc trở thành mục tiêu đánh phá quyết liệt của Mỹ. Trong hoàn cảnh có chiến tranh, việc xây dựng, củng cố, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi ở miền Bắc gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có chủ trương chuyển hướng kịp thời để khôi phục và xây dựng trong điều kiện mới.

Kịp thời nắm bắt tình hình, ngày 9-3-1966 Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết về công tác thủy lợi hai năm 1966-1967, nhấn mạnh: "tiếp tục xây dựng thêm công trình loại lớn, loại vừa ở những nơi cần thiết và có trọng điểm, chú ý miền núi, trung du và ở Khu 4"[12]. Đến cuối năm 1970, đầu năm 1971, HNTƯ19 bàn về nhiệm vụ khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân, đặt vấn đề đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn XHCN một cách tích cực và có kế hoạch. Nghị quyết số 214-NQ/TW ngày 1-3-1971, chỉ rõ: "Đẩy mạnh công tác thủy lợi, hoàn thành những hệ thống thủy lợi sẵn có và quản lý tốt để phục vụ thâm canh, đồng thời xây dựng thêm những công trình mới ở những nơi cần thiết"[13].

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngay trong mùa khô năm 1965-1966, mặc dù chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra ác liệt nhưng hồ chứa nước Cấm Sơn - một trong những công trình thủy lợi lớn ở miền Bắc đã được khởi công. Ngoài ra, một số hạng mục quan trọng của hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải đã được quy hoạch trước đây nhưng chưa có điều kiện tiến hành, đến thời điểm này được triển khai xây dựng. Nhiều trạm bơm lớn như Nhâm Tràng, Vĩnh Trị, Như Trác nằm ở hữu ngạn sông Hồng được xây dựng, giải quyết được tình trạng úng lụt nhiều nơi. Nhà nước đã dành nhiều nguồn lực và huy động nhân lực lên xây dựng thủy điện ở miền núi, hiện thực hóa chủ trương của Đảng về thu dần khoảng cách giữa miền miền núi miền xuôi, góp phần cải thiện đời sống nhân dân và sản xuất nông nghiệp.

Sau thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, đặc biệt là thất bại trong cuộc tập kích đường không 12 ngày đêm cuối năm 1972 vào Hà Nội và một số địa phương miền Bắc, ngày 27-1-1973, đế quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nhiệm vụ cần phải làm ngay là phải khôi phục các công trình thủy lợi do chiến tranh phá hoại, hoàn chỉnh thủy nông và hoàn thành dứt điểm các công trình đang xây dựng.

Tháng 1-1974, HNTƯ 22 chỉ rõ: "công tác thủy lợi có vai trò ngày càng quan trọng trong công cuộc đưa nông nghiệp đi vào thâm canh, chuyên canh, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và trong nền kinh tế quốc dân, có trách nhiệm phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp và đời sống"[14]. Tháng 9-1974, tại buổi làm việc với Bộ Thủy lợi về tình hình thủy lợi và kế hoạch phát triển thủy lợi dài hạn ở miền Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã cho rằng: "Đối với nông nghiệp, vị trí đặc biệt quan trọng của thủy lợi trước hết có quan hệ đến sự vững vàng của chế độ sở hữu tập thể trong nông nghiệp; sự nghiệp công nghiệp hóa càng được đẩy mạnh thì càng phải phát triển thủy lợi tương xứng; càng đòi hỏi phải khai thác, quản lý tốt nguồn tài nguyên nước để phục vụ các ngành kinh tế quốc dân, để đảm

bảo vấn đề đời sống của nhân dân các khu vực công nghiệp và thành thị...; phải có quy hoạch, kế hoạch cụ thể, trên cơ sở đó, phối hợp với lực lượng của trung ương, của địa phương, của nhà nước và của nhân dân cùng làm, đặc biệt là phải phát động và tổ chức được đông đảo quần chúng làm công tác thủy lợi"[15]. Theo tinh thần đó, ngành thủy lợi và các địa phương tiếp tục khởi công một số công trình lớn như đập Đá Bạc trên sông Diễn Vọng; ở tỉnh Điện Biên làm hồ chứa Pa Khoang (trên núi Nậm Phăng)... Tính đến năm 1975, toàn miền Bắc đã xây dựng được mạng lưới thủy nông cơ bản đảm bảo đủ nguồn nước tưới cho lúa Đông - Xuân và lúa mùa ở một số vùng, đưa vụ Đông - Xuân vốn không ổn định vì không đủ nước tưới trở thành vụ sản xuất mamg lại hiệu quả kinh tế cao; đồng thời, giải quyết một bước úng ngập vụ mùa, mở ra khả năng thâm canh tăng vụ trên nhiều vùng rộng lớn. Vừa bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp, hệ thống thủy lợi miền Bắc vừa đảm bảo nguồn nước thường xuyên phục vụ cho sinh hoạt và chăn nuôi gia súc, góp phần phát triển hệ thống giao thông, cải thiện môi trường sinh thái ở nhiều vùng vốn được coi là khô hạn.

Tựu trung lại, trong giai đoạn 1965-1975, tình hình miền Bắc có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường do tác động của hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Nhiều công trình thủy lợi lợi lớn, vừa và nhỏ bị chiến tranh tàn phá, một số công trình bị hủy diệt hoàn toàn. nhiệm vụ chính của ngành thủy lợi bên cạnh xây dựng mới một số công trình phục vụ sản xuất còn phải phục hồi, sửa chữa và hoàn chỉnh các công trình đã có; xây dựng và tu bổ đê điều để chống lũ và điều hòa nguồn nước phục vụ sản xuất. Trong bối cảnh đó, Đảng tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, đường lối để lãnh đạo, chỉ đạo việc để khôi phục, xây dựng và phát triển thủy lợi trong điều kiện mới. Nhờ đó, hệ thống thủy lợi ở miền Bắc tiếp tục khẳng định được vai trò đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

3 Xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi miền Bắc giai đoạn 1954-1975 đã kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm thực tế của nhân dân trong quá trình khắc phục thiên nhiên, phát triển sản xuất; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc, của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và đẩy mạnh hợp tác hóa ở nông thôn. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác thủy lợi, giai đoạn này Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối đúng đắn để lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố hệ thống thủy lợi miền Bắc. Nhìn chung, chủ trương, đường lối của Đảng là thường xuyên, liên tục, bao quát tất cả các vấn đề liên quan đến công tác thủy lợi, đặc biệt là tập trung vào công tác quy hoạch, đảm bảo nguồn ngân sách cho thủy lợi; chú trọng tu bổ và xây dựng công trình thủy lợi bao gồm các những công trình lớn, trọng điểm và các công trình thủy lợi vừa, nhỏ, thủy lợi nội đồng, hoàn chỉnh hệ thống thủy nông phục vụ trực tiếp sản xuất. Ngoài ra, Đảng còn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; huy động lực lượng làm thủy lợi, chú trọng phát huy vị trí, vai trò của quần chúng trong công tác thủy lợi. Những chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với điều kiện thực tiễn miền Bắc, kể cả vùng đồng bằng, trung du và vùng núi, nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Thành quả nổi bật của công tác thủy lợi miền Bắc thời kỳ này là đã tạo cơ sở cho ổn định sản xuất vụ mùa, đưa diện tích lúa vụ Đông - Xuân còn hạn hẹp, bấp bênh trở thành vụ sản xuất chính, có năng suất cao. Nhờ có thủy lợi cùng các biện pháp kỹ thuật trong nông nghiệp đã tạo ra những cánh đồng 5 tấn trên diện rộng từ

đồng bằng đến trung du và miền núi. Kết quả công tác thủy lợi giai đoạn 1954-1975 được Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đánh giá: "Công tác thủy lợi cũng đã thu được thành tích quan trọng là đã tạo nên những cơ sở vật chất kỹ thuật đáng kể nhất cho nền nông nghiệp nước ta. Do đó, hạn chế được nhiều tác hại của thiên tai, đưa các vụ sản xuất đi dần vào thế ổn định và góp phần đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất và tăng vụ trên nhiều vùng rộng lớn"[16].

1. Ngày 6-4-1955, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 507-TTg bãi bỏ Nha Công chính và thành lập Nha Thủy lợi trực thuộc Bộ Giao thông Công chính để phụ trách các công tác thủy nông và đê điều. Ngày 13-4-1955, Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính ra Nghị định số 164-NĐ quy định nhiệm vụ của ngành Thủy lợi với hai nhiệm vụ chính: Nghiên cứu, xây dựng và quản lý các công trình trị thủy, đặc biệt là đê điều; Nghiên cứu, xây dựng và quản lý các công trình đại và trung thủy nông, nhằm mục đích chống hạn, chống nước ngập và chống mặn

2. Tháng 9-1955, Bộ Thủy lợi và Kiến trúc được thành lập. Tháng 4-1958, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội Khóa I, Bộ Thủy lợi và Kiến trúc được tách thành 2 bộ độc lập: Bộ Thủy lợi và Bộ Kiến trúc. Ngày 5-8-1958, Bộ Thủy lợi ban hành Nghị định số 72/TL-TCCB, theo đó Bộ Thủy lợi có nhiệm vụ: Điều tra nghiên cứu tình hình đê điều, ra các quy định về trị thủy và khai thác các nguồn nước thiên nhiên về hai mặt thủy lợi và điện lực; Thiết kế, xây dựng, quản lý các công trình thủy lợi và điện lực; Lãnh đạo thực hiện phòng và chống bão lụt, hạn hán, úng ngập, mặn. Xem: Bộ Thủy lợi, *Nghị định số 72/TL-TCCB ngày 5-8-1958*, lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

3. Bộ Thủy lợi: *50 năm thủy lợi - Những chặng đường*, Nxb CTQG, H,1995, tr.18

4. *Ngành Thủy lợi trong kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế 1955-1957*, lưu Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQH, H, 2002, T.19, tr.473

6. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, "Nghị quyết số 63-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác thủy lợi, ngày 26-12-1958", Hồ sơ 001

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr.579

8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 tháng 7-1961 về vấn đề phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm (1961-1965)*, xuất bản năm 1961, tr.23

9. Cuối năm 1960, Tổng cục Điện lực thuộc Bộ Công nghiệp nặng sáp nhập vào Bộ Thủy lợi. Bộ được đổi tên thành Bộ Thủy lợi và Điện lực, do ông Dương Quốc Chính là Bộ trưởng

10, 15. Phan Khánh (chủ biên): *Lịch sử Thủy lợi Việt Nam*, Nxb Thời đại, H, 2014, tr.295, 370-372

11. Xem: *Ngành Thủy lợi trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)*, lưu tại Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

12. *Nghị quyết số 17-CP ngày 9-3-1966 của Hội đồng Chính phủ về công tác thủy lợi hai năm 1966-1967*, lưu Văn phòng Chính phủ, tr.3

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 32, tr.207

14. *Đường lối cách mạng Việt Nam*, Nxb Sách Giáo khoa Mác-Lênin, H, 1975, T. 2, tr.76

16. Lê Duẩn: *Một số ý kiến về công tác thủy lợi*, Kỷ yếu Bộ Thủy lợi, xuất bản năm 1974, tr.6.